

1. Tổng quan về doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) và các công ty con. KPMG là công ty kiểm toán. Doanh nghiệp tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Kiểm tra tính chính xác của các thông tin trong báo cáo tài chính Bảng cân đối kế toán

• Thiếu:

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Mục 2)
- Tài sản cố định vô hình (Mục 7)
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Mục 8)
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Mục 9)
- Tài sản dài hạn khác (Mục 10)
- Các khoản dự phòng (Mục 15)
- Phần sở hữu của cổ đông thiểu số (Mục 16)
- Các khoản dự trữ (Mục 18)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

• Thiếu:

- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mục 2)
- Phần sở hữu trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết và liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (Mục 12)
- Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong lãi hoặc lỗ sau thuế (Mục 16)
- Lợi nhuận thuần trong kỳ (Mục 17)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Cần có báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp để đối chiếu và đưa ra nhận xét.

2. Phân tích bảng cân đối kế toán

Phần Nguồn Vốn:

- Nguồn vốn của doanh nghiệp đến từ cả nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Cần xác định tỷ trọng của từng nguồn để đánh giá mức độ tự chủ tài chính và khả năng trả nợ.
- Phân tích cơ cấu nợ phải trả, xem nợ ngắn hạn hay nợ dài hạn chiếm tỷ trọng lớn hơn. Nợ ngắn hạn cao có thể gây áp lực thanh toán trong ngắn hạn, trong khi nợ dài hạn có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận trong tương lai.

- So sánh sự thay đổi của nợ phải trả và vốn chủ sở hữu giữa đầu kỳ và cuối kỳ. Đánh giá xem sự thay đổi này có phù hợp với chiến lược phát triển và tình hình kinh doanh của doanh nghiệp hay không.

Phân Tích Tài Sản:

- Tổng giá trị tài sản phản ánh quy mô của doanh nghiệp. Cần xem xét cơ cấu tài sản, bao gồm tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn.
- Xác định loại tài sản nào chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản. Điều này cho thấy doanh nghiệp tập trung đầu tư vào lĩnh vực nào (ví dụ: hàng tồn kho, tài sản cố định, đầu tư tài chính).
- So sánh sự thay đổi của từng loại tài sản giữa đầu kỳ và cuối kỳ. Đánh giá xem sự thay đổi này có phù hợp với hoạt động kinh doanh và chiến lược đầu tư của doanh nghiệp hay không.

Đánh giá chung:

- Chú ý đến các chỉ số quan trọng như khoản phải thu của khách hàng (TK 131), khoản phải trả cho nhà cung cấp (TK 331), và vốn lưu động.
- Phân tích kỹ hơn các khoản mục có tỷ trọng lớn hoặc có sự biến động lớn để hiểu rõ hơn về tình hình tài chính và hoạt động của doanh nghiệp.

3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Tóm tắt:

- **Doanh thu và Chi phí:** Phân tích tổng doanh thu, chi phí hoạt động kinh doanh, chi phí tài chính và chi phí khác để xác định xu hướng tăng/giảm và tỷ trọng của từng khoản mục.
- **Lợi nhuận:** Tập trung vào lợi nhuận gộp, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế. Đánh giá sự thay đổi so với kỳ trước và xác định động lực chính ảnh hưởng đến lợi nhuận (ví dụ: tăng trưởng doanh thu, kiểm soát chi phí).
- **Cơ cấu lợi nhuận:** Xác định hoạt động nào đóng góp chính vào lợi nhuận (kinh doanh, tài chính, khác). Điều này quan trọng đối với công ty chứng khoán, cần xem xét tỷ trọng doanh thu từ môi giới, tự doanh, tư vấn đầu tư,...
- **Phân tích chi phí:** Xác định các khoản chi phí lớn và đánh giá hiệu quả quản lý chi phí. Đặc biệt chú ý đến chi phí hoạt động (ví dụ: chi phí nhân viên, chi phí marketing) và chi phí tài chính (nếu có).
- **Xu hướng:** Đánh giá xem doanh thu, chi phí và lợi nhuận có xu hướng thay đổi cùng chiều hay không. Nếu không, cần tìm hiểu nguyên nhân.

- **Vấn đề:** Xác định hoạt động hoặc giai đoạn nào đang gây ra vấn đề đáng chú ý (ví dụ: chi phí tăng cao, doanh thu giảm sút).

4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Tóm tắt:

- **Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh:** Phân tích xem dòng tiền từ hoạt động kinh doanh là dương hay âm, và xu hướng của nó (tăng/giảm) so với các kỳ trước. Điều này cho thấy khả năng tạo tiền từ hoạt động cốt lõi của doanh nghiệp chứng khoán.
- **Dòng tiền từ hoạt động đầu tư:** Xem xét các khoản đầu tư vào tài sản cố định, các khoản đầu tư tài chính (mua bán cổ phiếu, trái phiếu, các công cụ phái sinh), và các hoạt động đầu tư khác. Phân tích xem doanh nghiệp đang tập trung vào đầu tư mở rộng hay thu hẹp hoạt động đầu tư.
- **Dòng tiền từ hoạt động tài chính:** Đánh giá các hoạt động liên quan đến vốn chủ sở hữu (phát hành cổ phiếu, trả cổ tức) và vay nợ (vay mới, trả nợ gốc). Điều này cho thấy cách doanh nghiệp huy động vốn và quản lý nợ.
- **Tổng dòng tiền:** Xem xét tổng dòng tiền vào và ra của doanh nghiệp, và ảnh hưởng của nó đến số dư tiền mặt cuối kỳ.
- **Các yếu tố đặc thù:** Doanh nghiệp chứng khoán cần chú ý đến các yếu tố đặc thù như dòng tiền từ hoạt động tự doanh, môi giới chứng khoán, bảo lãnh phát hành, và các hoạt động đầu tư tài chính khác.
- **Khả năng thanh toán:** Đánh giá khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp dựa trên dòng tiền hiện có và dự kiến.
- **Nhu cầu tài trợ:** Xác định xem doanh nghiệp có cần tài trợ từ các nguồn bên ngoài (vay nợ, phát hành cổ phiếu) để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh hay không.

5. Các chỉ số tài chính cơ bản.

Doanh nghiệp không được xác định, vì vậy không thể đưa ra các nhận xét cụ thể về ngành nghề và điều chỉnh công thức nếu cần.

Cần cung cấp số liệu cụ thể từ Bảng Cân Đối Kế Toán, Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ để tính toán các chỉ số.

Dưới đây là bảng trình bày các chỉ số và lý do không tính được nếu thiếu dữ liệu:

Chỉ số	Công thức	Giá trị	Ghi chú
1. Chỉ số thanh khoản			
Thanh khoản hiện hành	Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Không tính được	Cần số liệu Tài sản ngắn hạn và Nợ ngắn hạn từ Bảng Cân Đối Kế Toán.
Thanh khoản nhanh	(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	Không tính được	Cần số liệu Tài sản ngắn hạn, Hàng tồn kho và Nợ ngắn hạn từ Bảng Cân Đối Kế Toán.
Thanh khoản tức thời	Tiền và tương đương tiền / Nợ ngắn hạn	Không tính được	Cần số liệu Tiền và tương đương tiền và Nợ ngắn hạn từ Bảng Cân Đối Kế Toán.
2. Chỉ số đòn bẩy tài chính			
Hệ số nợ	Tổng nợ / Tổng tài sản	Không tính được	Cần số liệu Tổng nợ và Tổng tài sản từ Bảng Cân Đối Kế Toán.
Nợ trên vốn chủ sở hữu	Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu	Không tính được	Cần số liệu Tổng nợ và Vốn chủ sở hữu từ Bảng Cân Đối Kế Toán.
Khả năng thanh toán lãi vay	EBIT / Chi phí lãi vay	Không tính được	Cần số liệu EBIT (Lợi nhuận trước lãi vay và thuế) từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Chi phí lãi vay.
3. Chỉ số hiệu quả hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Không tính được	Cần số liệu Giá vốn hàng bán từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Hàng tồn kho bình quân từ Bảng Cân Đối Kế Toán (cần số liệu đầu kỳ và cuối kỳ).
Vòng quay khoản phải thu			Cần số liệu Doanh thu thuần từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Khoản phải thu

Chỉ số	Công thức	Giá trị	Ghi chú
	Doanh thu thuần / Khoản phải thu bình quân	Không tính được	bình quân từ Bảng Cân Đối Kế Toán (cần số liệu đầu kỳ và cuối kỳ).
Vòng quay tổng tài sản	Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	Không tính được	Cần số liệu Doanh thu thuần từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Tổng tài sản bình quân từ Bảng Cân Đối Kế Toán (cần số liệu đầu kỳ và cuối kỳ).
4. Chỉ số lợi nhuận			
Biên lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần	Không tính được	Cần số liệu Lợi nhuận gộp và Doanh thu thuần từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh.
Biên lợi nhuận ròng	Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	Không tính được	Cần số liệu Lợi nhuận sau thuế và Doanh thu thuần từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh.
ROA (Hiệu quả tài sản)	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	Không tính được	Cần số liệu Lợi nhuận sau thuế từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Tổng tài sản bình quân từ Bảng Cân Đối Kế Toán (cần số liệu đầu kỳ và cuối kỳ).
ROE (Hiệu quả vốn chủ sở hữu)	Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân	Không tính được	Cần số liệu Lợi nhuận sau thuế từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Vốn chủ sở hữu bình quân từ Bảng Cân Đối Kế Toán (cần số liệu đầu kỳ và cuối kỳ).
5. Chỉ số định giá			
EPS	Lợi nhuận sau thuế / Số cổ phiếu lưu hành	Không tính được	Cần số liệu Lợi nhuận sau thuế từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Số cổ phiếu lưu hành.
P/E	Giá thị trường / EPS		Cần số liệu Giá thị trường cổ phiếu và EPS (đã tính ở trên).

Chỉ số	Công thức	Giá trị	Ghi chú
		Không tính được	
P/B	Giá thị trường / Giá trị sổ sách (BVPS)	Không tính được	Cần số liệu Giá thị trường cổ phiếu và Giá trị sổ sách (BVPS). BVPS = Vốn chủ sở hữu / Số cổ phiếu lưu hành (cần số liệu Vốn chủ sở hữu từ Bảng Cân Đối Kế Toán).
6. Các chỉ tiêu cơ bản khác			
Doanh thu Thuần	Doanh thu bán - (trừ) Giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại	Không tính được	Cần số liệu Doanh thu bán, Giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh.
Giá vốn		Không tính được	Cần số liệu Giá vốn từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh.
Lợi nhuận gộp	Doanh thu Thuần - Giá vốn	Không tính được	Cần số liệu Doanh thu thuần và Giá vốn (đã tính ở trên).
Lợi nhuận trước thuế Thu nhập Doanh nghiệp		Không tính được	Cần số liệu Lợi nhuận trước thuế từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh.
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập Doanh nghiệp		Không tính được	Cần số liệu Lợi nhuận sau thuế từ Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh.
7. Tăng trưởng Doanh thu, lợi nhuận, Giá vốn, ... Chi phí các năm			Cần số liệu của 2 năm liên tiếp để tính toán.
8. Dòng tiền			

Chỉ số	Công thức	Giá trị	Ghi chú
DOANH THU THUẦN (Net Cash Flow from Operating Activities - CFO)		Không tính được	Cần số liệu Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh từ Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ.
TỶ SUẤT DÒNG TIỀN TỰ DO (Free Cash Flow to Equity - FCFE)	(Lưu chuyển tiền thuần từ hợp đồng kinh doanh - Dòng tiền đầu tư cho tài sản cố định)	Không tính được	Cần số liệu Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và Dòng tiền đầu tư cho tài sản cố định từ Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ.
XU HƯỚNG CỦA DÒNG TIỀN		Không tính được	Cần số liệu dòng tiền của từng hoạt động (kinh doanh, đầu tư, tài chính) trong nhiều năm để phân tích.

6. Phân tích các chỉ số cơ bản.

Do thiếu dữ liệu cụ thể từ Bảng Cân Đối Kế Toán, Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh và Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ, không thể tính toán và phân tích chi tiết các chỉ số tài chính. Vì vậy, không thể đưa ra nhận định về cơ cấu nguồn vốn, cơ cấu tài sản, khả năng thanh toán, đòn bẩy tài chính, khả năng sinh lời và dòng tiền của doanh nghiệp.